

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung  
giữa chị T và anh B”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST- HNGĐ ngày 26/11/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 11 (Tây Nghĩa), xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

*Bị đơn:* Anh Lương Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 11 (Tây Nghĩa), xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Chị T, anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lương Văn B tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào ngày 08/8/2008. Sau khi kết hôn, hai người chung sống bình thường, tuy có mâu thuẫn nhưng vẫn dung hòa được. Tuy nhiên, kể từ đầu năm

2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh B không tu chí làm ăn, chơi bời làm phá tán tài sản của vợ chồng, không chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị T đã nhiều lần phân tích khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi nên từ đầu năm 2021 hai người đã sống ly thân. Hiện nay anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định để Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định điều tra về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị xin được ly hôn anh Lương Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là: cháu Lương Trần Anh T, sinh ngày 11/4/2009; cháu Lương Trần Hương T, sinh ngày 22/4/2011; cháu Lương Đức T, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Lương Minh Đ, sinh ngày 26/4/2019, hiện cả 4 con đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cả 4 con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn anh Lương Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn B và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào ngày 08/8/2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Do kinh tế gia đình không ổn định nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Anh B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; hai người không còn cơ hội hàn gắn tình cảm nên nay chị T xin ly hôn, anh B nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là: Lương Trần Anh T, sinh ngày 11/4/2009; Lương Trần Hương T, sinh ngày 22/4/2011; Lương Đức T, sinh ngày 30/6/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 26/4/2019 như chị T trình bày. Anh B nhất trí với ý kiến của chị T về việc chị T nuôi cả bốn con chung sau khi ly hôn, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lương Văn B là hợp pháp vì được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/8/2008. Quá trình chung sống giữa chị T và anh B không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2021, hiện anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định để Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định điều tra về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Nay chị T xin ly hôn, anh B nhất trí ly hôn chị T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T thấy: Do tính tình hai người không hợp nhau nên trong quá trình chung sống giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân và cả chị T và anh B đều không có biện pháp hóa giải mâu thuẫn để vợ chồng về chung sống. Đến nay cả chị T và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Lương Văn B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lương Văn B có bốn con chung đều chưa thành niên là: Cháu Lương Trần Anh T, sinh ngày 11/4/2009; cháu Lương Trần Hương T, sinh ngày 22/4/2011; cháu Lương Đức T, sinh ngày 30/6/2014 và cháu Lương Minh Đ, sinh ngày 26/4/2019, hiện cả 4 con đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T và anh B đều đã thống nhất giao cho chị T nuôi cả bốn con, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Xét thỏa thuận nuôi dưỡng 04 con chung chưa thành niên của chị T và anh B là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện nay của các đương sự nên cần tiếp tục giao bốn con chung cho chị T nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lương Văn B.

2. Về con chung: Giao các con chung: Lương Trần Anh T, sinh ngày 11/4/2009; Lương Trần Hương T, sinh ngày 22/4/2011; Lương Đức T, sinh ngày 30/6/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 26/4/2019 cho chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Lương Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T, được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của chị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006009 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị T, bị đơn anh Lương Văn B có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H.H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Ái**